

CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHỨNG KHOÁN CV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 16/2023/QĐ-TGD

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 10 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

V/v: ban hành Quy chế Công bố thông tin của Công ty Cổ phần Chứng khoán CV

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Chứng khoán CV;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Chứng khoán CV được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 18/04/2023;
- Căn cứ Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐQT ngày 19/05/2023 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán CV về việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc;

**QUYẾT ĐỊNH**

- Điều 1:** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Công bố thông tin của Công ty Cổ phần Chứng khoán CV.
- Điều 2:** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 05/10/2023.
- Điều 3:** Ban Tổng Giám đốc, các Phòng/Ban và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban TGD, BKS;
- Lưu VT.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV  
TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Tấn Huy

---

# QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

---

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Ban hành kèm theo Quyết định số 16/2023/QĐ-TGD ngày 05 tháng 10 năm 2023



**MỤC LỤC**

PHẦN MỞ ĐẦU..... 3

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG..... 3

Điều 1. Phạm vi áp dụng, đối tượng công bố thông tin..... 3

Điều 2. Giải thích thuật ngữ ..... 3

Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin ..... 6

Điều 4. Phương tiện và hình thức công bố thông tin ..... 7

Điều 5. Quy định về tài liệu công bố thông tin..... 8

Điều 6. Phương thức gửi tài liệu công bố thông tin..... 9

Điều 7. Xử lý vi phạm về công bố thông tin ..... 9

Điều 8. Người thực hiện công bố thông tin ..... 9

CHƯƠNG II: NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN ..... 11

Điều 9. Công bố thông tin định kỳ ..... 11

Điều 10. Công bố thông tin bất thường ..... 15

Điều 11. Công bố thông tin theo yêu cầu ..... 18

Điều 12. Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn ..... 18

Điều 13. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty ..... 18

Điều 14. Công bố thông tin của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ..... 20

Điều 15. Trách nhiệm công bố thông tin ..... 21

Điều 16. Tạm hoãn công bố thông tin ..... 22

CHƯƠNG III: TỔ CHỨC THỰC HIỆN..... 22

Điều 17. Hiệu lực thi hành..... 22

Điều 18. Sửa đổi, bổ sung..... 22

## QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

### PHẦN MỞ ĐẦU

Quy chế này được thông qua theo Quyết định số 16/2023/QĐ-TGD ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán CV.

Các văn bản pháp lý được tham chiếu để xây dựng Quy chế này gồm:

- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và công ty con ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.

### CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi áp dụng, đối tượng công bố thông tin

Quy chế này quy định về việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán CV, khi tham gia thị trường chứng khoán Việt Nam, theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Quy chế này áp dụng cho tất cả các đối tượng như sau:

1. Công ty Cổ phần Chứng khoán CV;
2. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin theo quy định pháp luật;
3. Tổ chức, cá nhân có liên quan khác theo quy định của pháp luật;
4. Các nhân viên, Phòng/Ban của Công ty Cổ phần Chứng khoán CV;

#### Điều 2. Giải thích thuật ngữ

Trong Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "**Luật Chứng khoán**" được hiểu là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
2. "**Luật Doanh nghiệp**" được hiểu là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
3. "**Nghị định 155/2020/NĐ-CP**" được hiểu là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
4. "**Thông tư 96/2020/TT-BTC**" được hiểu là Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
5. "**Quy chế công bố thông tin tại SGDC**" được hiểu Quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và công ty con ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
6. "**UBCKNN**" được hiểu là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

7. “**SGDCK**” được hiểu là Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
8. “**VSD**” được hiểu là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam;
9. “**Công ty**” được hiểu là Công ty Cổ phần Chứng khoán CV;
10. “**HDQT**” được hiểu là Hội đồng quản trị;
11. “**DHDCĐ**” được hiểu là Đại hội đồng cổ đông;
12. “**E-mail**”, “**email**” được hiểu là Thư điện tử;
13. “**Cổ đông lớn**” được hiểu là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
14. “**Người nội bộ**” được hiểu là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của Công ty được quy định tại Khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán, bao gồm:
  - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị;
  - b) Người đại diện theo pháp luật của Công ty;
  - c) Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc; Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
  - d) Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên);
  - e) Thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.
15. “**Người có liên quan**” được hiểu là cá nhân, tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, bao gồm các trường hợp sau đây:
  - a) Công ty mẹ của Công ty (nếu có), người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ;
  - b) Công ty con, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty con;
  - c) Cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân, tổ chức có khả năng chi phối hoạt động của Công ty thông qua sở hữu, đầu tư cổ phần, phần vốn góp hoặc thông qua việc ra quyết định của Công ty;
  - d) Người quản lý Công ty, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên;
  - e) Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Công ty, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên, thành viên và cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;
  - f) Cá nhân là người đại diện theo ủy quyền của Công ty, tổ chức quy định tại các điểm a, b và c khoản này;
  - g) Doanh nghiệp trong đó cá nhân, công ty, tổ chức quy định tại các Điểm a, b, c, d, e và f khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của Công ty.

- h) Cá nhân và tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp: Công ty và người nội bộ của Công ty; Công ty và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của Công ty theo Điểm a, b Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- i) Cá nhân và tổ chức khác là người có liên quan theo quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.
16. **“Đối tượng công bố thông tin”** được hiểu là các đối tượng quy định tại Điều 1 Quy chế này;
17. **“Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin”** được hiểu là các cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 3 Điều 3 Thông tư 96/2020/TT-BTC, bao gồm:
- a) Người nội bộ của Công ty theo quy định tại Khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán và người có liên quan của người nội bộ;
- b) Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
- c) Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
- d) Cổ đông, nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
- e) Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Công ty.
18. **“Ngày công bố thông tin”** là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy chế này;
19. **“Ngày báo cáo về việc công bố thông tin”** là ngày gửi fax, gửi dữ liệu điện tử qua email, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống thông tin điện tử của UBCKNN, SGDCK hoặc ngày UBCKNN, SGDCK nhận được văn bản báo cáo về việc công bố thông tin tùy theo thời điểm nào đến trước;
20. **“Ngày thực hiện giao dịch”** được xác định theo Khoản 11 Điều 3 Thông tư 96/2020/TT-BTC như sau:
- a) Là ngày đặt lệnh giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua SGDCK;
- b) Là ngày đăng ký thực hiện giao dịch quyền mua, đăng ký thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu trong trường hợp thực hiện quyền mua, quyền chuyển đổi trái phiếu;
- c) Là ngày các bên đề nghị chuyển quyền sở hữu chứng khoán trong trường hợp giao dịch thực hiện qua VSD;
- d) Là ngày nộp phiếu tham dự đấu giá trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;
- e) Là ngày các bên đề nghị chuyển nhượng tại Công ty trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua VSD và không thực hiện qua SGDCK.
21. **“Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán”** được xác định theo Khoản 12 Điều 3 Thông tư 96/2020/TT-BTC như sau:

- a) Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua SGDCK;
  - b) Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện quyền mua;
  - c) Là ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu theo thông báo của Công ty;
  - d) Là ngày hiệu lực chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại VSD trong trường hợp giao dịch thực hiện qua VSD;
  - e) Là ngày kết thúc việc thanh toán tiền mua cổ phần theo thông báo của Công ty trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;
  - f) Là ngày Công ty xác nhận hiệu lực của việc chuyển nhượng chứng khoán trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua VSD và không thực hiện qua SGDCK.
22. “**Cổ phiếu có quyền biểu quyết**” được hiểu là cổ phiếu mà người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo Khoản 33 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;
23. “**Tổ chức kiểm toán được chấp thuận**” là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được UBCKNN chấp thuận thực hiện kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính, các thông tin tài chính và các báo cáo khác của các đơn vị có lợi ích công chúng theo quy định tại Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.

### **Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin**

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định của pháp luật. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.  
Thông tin công bố cần phải rõ ràng, dễ hiểu, tránh gây hiểu nhầm cho cổ đông và nhà đầu tư. Thông tin công bố đúng mẫu, có liên quan tới hoạt động chứng khoán, thị trường chứng khoán và thuộc phạm vi phải thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
2. Công ty hoặc nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin theo quy định tại Điều 1 Quy chế này phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó. Công ty công bố thông tin nội dung thay đổi trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ, kể từ khi nhận biết được về sự kiện, thông tin đó hoặc theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK.
3. Việc công bố thông tin phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDCK nơi Công ty là thành viên giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại Khoản 1 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCK 02 (hai) bản tài liệu, trong đó 01 (một) bản bao gồm đầy đủ thông tin

cá nhân và 01 (một) bản không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK thực hiện công khai thông tin.

4. Việc công bố thông tin của Công ty và nhà đầu tư là tổ chức phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Việc công bố thông tin của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho Công ty hoặc tổ chức, hay cá nhân khác thực hiện. Việc công bố thông tin do người thực hiện công bố thông tin thực hiện được quy định cụ thể tại Điều 8 Quy chế này.
5. Các đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo theo quy định như sau:
  - a) Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 (mười) năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 (năm) năm;
  - b) Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 (năm) năm.
6. Ngôn ngữ thông tin công bố trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt. Việc công bố thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh được áp dụng đối với UBCKNN, SGDCK, VSD. Đối với thông tin công bố bằng tiếng Anh, nội dung công bố thông tin bằng tiếng Anh phải đảm bảo thống nhất với nội dung công bố thông tin bằng tiếng Việt đã công bố, trong đó nội dung tiếng Anh chỉ mang tính tham khảo.
7. Công ty phải đăng ký với SGDCK thông tin liên hệ của Công ty/người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty bao gồm: địa chỉ, điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử (email) ... Trường hợp có sự thay đổi thông tin đã đăng ký phải gửi thông báo bằng văn bản ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày dự kiến thay đổi.
8. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật, Công ty thực hiện công bố thông tin trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.
9. Công ty không phải gửi bản giấy để báo cáo UBCKNN, SGDCK trong trường hợp các tài liệu đã được thực hiện công bố trên tất cả các phương tiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điểm a, b, c Khoản 1 Điều 4 Quy chế này và đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về văn bản điện tử.

Việc công bố thông tin của Công ty qua Hệ thống công bố thông tin của các cơ quan nhà nước được xác định là hoàn thành nghĩa vụ công bố thông tin và nghĩa vụ báo cáo UBCKNN theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

#### **Điều 4. Phương tiện và hình thức công bố thông tin**

1. Việc công bố thông tin được thực hiện qua các phương tiện công bố thông tin sau:
  - a) Trang thông tin điện tử (website) của Công ty;



- b) Hệ thống quản lý công ty chứng khoán của UBCKNN - SCMS;
  - c) Trang thông tin điện tử của SGDCK - CIMS, phương tiện công bố thông tin khác theo Quy chế của SGDCK;
  - d) Trang thông tin điện tử của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam;
  - e) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật (báo in, báo điện tử...).
2. Các tài liệu, báo cáo gửi cho UBCKNN, SGDCK được thể hiện dưới hình thức bản giấy hay dữ liệu điện tử có sử dụng chữ ký số theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.
3. Công ty sử dụng trang thông tin điện tử của Công ty để thực hiện công bố thông tin theo các quy định như sau:
- a) Công ty phải báo cáo với UBCKNN, SGDCK và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này;
  - b) Trang thông tin điện tử phải có chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ Công ty, Quy chế Quản trị nội bộ (nếu có), Bản cáo bạch (nếu có) và các thông tin công bố định kỳ, bất thường và theo yêu cầu quy định của pháp luật;
  - c) Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin (ngày, giờ), đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.

#### **Điều 5. Quy định về tài liệu công bố thông tin**

1. Đối với tài liệu dưới hình thức bản giấy:

- a) Văn bản phải đầy đủ nội dung và hợp lệ theo quy định của pháp luật. Văn bản hợp lệ là bản chính hợp lệ hoặc bản sao hợp lệ.
- b) Yêu cầu đối với văn bản hợp lệ:
  - Đối với văn bản của cá nhân: Văn bản có họ tên, chữ ký của cá nhân;
  - Đối với văn bản của tổ chức: Văn bản có xác nhận của người có thẩm quyền, bao gồm: chức vụ, họ tên, chữ ký của người có thẩm quyền, đóng dấu.

2. Đối với tài liệu dưới hình thức văn bản, dữ liệu điện tử:

Công ty gửi thông tin công bố dưới dạng văn bản, dữ liệu điện tử đến UBCKNN, SGDCK phải đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về văn bản điện tử và các hướng dẫn sau:

- a) Thông tin công bố là dữ liệu điện tử dạng văn bản (có định dạng doc/docx): Sử dụng bảng mã Unicode trên phần mềm Microsoft Office Word;
- b) Thông tin công bố là dữ liệu điện tử dạng số liệu (có định dạng xls/xlsx): Sử dụng bảng mã Unicode trên phần mềm Microsoft Office Excel;
- c) Trường hợp dữ liệu điện tử gửi qua Hệ thống SCMS và CIMS, định dạng thông tin công bố thực hiện theo quy định của Hệ thống SCMS và CIMS;

**Điều 6. Phương thức gửi tài liệu công bố thông tin**

1. Công ty gửi thông tin công bố dưới dạng dữ liệu điện tử thông qua Hệ thống SCMS và CIMS bao gồm thông tin công bố của Công ty và thông tin công bố nhận ủy quyền từ các đối tượng công bố thông tin là cá nhân (cổ đông lớn, người nội bộ và người có liên quan...). Riêng đối với Báo cáo tài chính kiểm toán năm và Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét, ngoài việc gửi Báo cáo qua Hệ thống SCMS và CIMS, Công ty và các đối tượng công bố thông tin phải gửi thêm 01 (một) bản Báo cáo bằng văn bản đến SGDCK qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại SGDCK để thực hiện công bố thông tin.
2. Để gửi thông tin công bố qua Hệ thống SCMS và CIMS, Người thực hiện công bố thông tin truy cập vào Hệ thống SCMS để gửi thông tin đến UBCKNN và Hệ thống CIMS để gửi thông tin đến SGDCK. Thông tin gửi qua Hệ thống SCMS và CIMS phải được ký bằng chữ ký số.
3. Trường hợp các đối tượng công bố thông tin không thể gửi thông tin công bố qua Hệ thống SCMS và CIMS vì lý do bất khả kháng như hệ thống mạng, máy chủ gặp sự cố, không thể sử dụng chứng thư số, tạm ngưng hoạt động theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền..., Công ty có trách nhiệm gửi thông tin công bố bằng văn bản qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại UBCKNN và SGDCK, đồng thời gửi bản dữ liệu điện tử qua email đến SGDCK đúng thời hạn quy định và gọi điện thoại thông báo ngay cho SGDCK biết lý do không thể thực hiện gửi thông tin công bố qua hệ thống công bố thông tin điện tử để SGDCK hướng dẫn hoặc khắc phục sự cố (nếu cần).
4. Trường hợp Công ty thay đổi người đại diện theo pháp luật/người được ủy quyền công bố thông tin, Công ty có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 8 Quy chế này, đồng thời làm thủ tục thay đổi thông tin chứng thư số theo hướng dẫn của SGDCK.

**Điều 7. Xử lý vi phạm về công bố thông tin**

Trường hợp đơn vị, cá nhân thuộc quản lý của Công ty có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ chịu các hình thức xử lý kỷ luật, xử lý hành chính, hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Trường hợp vi phạm nghiêm trọng Quy chế này và gây nên thiệt hại (vật chất, phi vật chất) cho Công ty thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

**Điều 8. Người thực hiện công bố thông tin**

1. Công ty phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua 01 (một) Người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc 01 (một) cá nhân là Người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty.
  - a) Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin. Trường hợp có hơn 01 (một) người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban Điều hành phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 (một) người chịu trách nhiệm công bố thông tin.

- b) Công ty phải báo cáo, báo cáo lại người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin cho UBCKNN và SGDCK trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người thực hiện công bố thông tin bao gồm: Giấy ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC, Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC.
2. Người thực hiện công bố thông tin có thể là nhân viên của Công ty hoặc là nhân viên của tổ chức được Công ty ký hợp đồng thuê làm dịch vụ Quan hệ nhà đầu tư.
3. Người thực hiện công bố thông tin có trách nhiệm, quyền hạn sau:
- a) Đại diện cho Công ty trong các công tác công bố thông tin;
  - b) Yêu cầu các đơn vị, cá nhân có liên quan cung cấp, báo cáo số liệu đầy đủ, đúng thời hạn;
  - c) Cập nhật, tiếp nhận, công bố chính xác thông tin của Công ty và giải đáp những thắc mắc, phản hồi của các Cổ đông về những thông tin liên quan tới hoạt động kinh doanh, chính sách của Công ty;
  - d) Theo dõi các thông tin giao dịch cổ phiếu Công ty liên quan tới Cổ đông nội bộ, Người có liên quan, Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty ...
  - e) Đề xuất, kiến nghị với Hội đồng quản trị/Tổng giám đốc Công ty (trong trường hợp là người được ủy quyền) về những hoạt động liên quan đến việc công bố thông tin, việc sửa đổi, bổ sung quy chế này;
  - f) Chịu trách nhiệm công bố các thông tin của Công ty theo Quy chế này và theo đúng quy định pháp luật hiện hành;
  - g) Chịu trách nhiệm trước Công ty và pháp luật về các thông tin công bố.
4. Người thực hiện công bố thông tin của nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin tại Khoản 21 Điều 2 Quy chế này:
- a) Nhà đầu tư tổ chức thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều này;
  - b) Nhà đầu tư cá nhân nếu ủy quyền cho Công ty công bố thông tin thì nhà đầu tư cá nhân phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Nhà đầu tư có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin về tình trạng sở hữu chứng khoán của mình và mối quan hệ với người có liên quan (nếu có) cho người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty để thực hiện báo cáo sở hữu, công bố thông tin theo quy định của pháp luật;

Công ty khi nhận được ủy quyền công bố thông tin từ các nhà đầu tư cá nhân, thực hiện gửi Giấy ủy quyền/Hợp đồng ủy quyền hợp lệ theo quy định của pháp luật (Giấy ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC), Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC đến UBCKNN, SGDCK trong lần công bố thông tin đầu tiên và thông báo chấm dứt việc ủy quyền trong lần công bố thông tin cuối cùng;

- c) Nhà đầu tư nước ngoài, nhóm nhà đầu tư nước ngoài thực hiện nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin theo quy định của Thông tư 96/2020/TT-BTC và pháp luật về hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

## CHƯƠNG II: NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

### Điều 9. Công bố thông tin định kỳ

#### 1. Báo cáo tài chính năm

Công ty phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo nguyên tắc sau:

- a) Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định của pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

Trường hợp Công ty là công ty mẹ của tổ chức khác thì Công ty phải công bố 02 (hai) báo cáo: báo cáo tài chính năm của riêng công ty và báo cáo tài chính năm hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

Trường hợp Công ty là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng thì phải công bố báo cáo tài chính năm tổng hợp theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

Trường hợp Công ty là công ty mẹ của tổ chức khác, đồng thời là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng, Công ty phải công bố 02 (hai) báo cáo: báo cáo tài chính năm tổng hợp và báo cáo tài chính năm hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

- b) Công ty phải công bố thông tin về báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính;
- c) Công ty phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính;

#### 2. Báo cáo tài chính bán niên

Công ty phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo nguyên tắc sau:

- a) Phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”; trình bày số liệu tài chính trong 06 (sáu) tháng đầu năm tài chính của Công ty, được lập theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 11 Quy chế này;
- b) Báo cáo tài chính bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét báo cáo tài chính.

Toàn văn báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần;

- c) Công ty phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 (năm) ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc 06 (sáu) tháng đầu năm tài chính;

Trường hợp Công ty là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 (năm) ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày kết thúc 06 (sáu) tháng đầu năm tài chính.

### 3. Báo cáo tài chính quý

Công ty phải công bố báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có) theo nguyên tắc sau:

- a) Báo cáo tài chính quý phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, được lập theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 11 Quy chế này;
- b) Toàn văn báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có) phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp báo cáo tài chính quý được soát xét có kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần;
- c) Công ty phải công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày kết thúc quý. Công ty công bố báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) trong thời hạn 05 (năm) ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc quý;

Trường hợp Công ty là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng thì phải công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày kết thúc quý.

Trường hợp Công ty đã thực hiện công bố Báo cáo tài chính quý đã được soát xét trong thời hạn quy định của Báo cáo tài chính quý thì không phải thực hiện công bố Báo cáo tài chính quý.

### 4. Giải trình nguyên nhân dẫn đến những biến động bất thường trong báo cáo tài chính nêu tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều 9 Quy chế này

Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều 9 Quy chế này, Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;
- b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;
- c) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.

Trường hợp Công ty là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc đồng thời là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng phải giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại Điểm a, b, c Khoản 4 Điều này trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc báo cáo tài chính tổng hợp và báo cáo tài chính hợp nhất.

#### 5. Báo cáo quản trị

- a) Công ty phải công bố thông tin về báo cáo tình hình quản trị công ty theo Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC trong thời hạn 30 (*ba mươi*) ngày, kể từ ngày kết thúc 06 (*sáu*) tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.

Bên cạnh việc lập báo cáo tình hình quản trị công ty theo Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC, Công ty gửi kèm bản dữ liệu điện tử Bảng cung cấp thông tin về quản trị công ty theo định dạng excel gửi đến UBCKNN và SGDCK.

- b) Thời hạn công bố thông tin báo cáo quản trị công ty 06 (*sáu*) tháng chậm nhất là ngày 30/7 và thời hạn công bố thông tin báo cáo quản trị công ty năm chậm nhất là ngày 30/01 năm tiếp theo.

#### 6. Báo cáo thường niên

- a) Công ty phải lập báo cáo thường niên theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC.
- b) Công ty phải công bố báo cáo này trong thời hạn 20 (*hai mươi*) ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- c) Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán

#### 7. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

- a) Trường hợp lập danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải công bố thông tin tối thiểu 20 (*hai mươi*) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
- b) Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông:

Tối thiểu 21 (*hai mươi mốt*) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn dài hơn, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và của UBCKNN, SGDCK về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm:

- Thông báo mời họp;
  - Chương trình họp;
  - Phiếu biểu quyết;
  - Tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
- c) Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có);

- d) Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên phải được công bố trong thời hạn 24 (*hai mươi bốn*) giờ kể từ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 12 Quy chế này.

#### 8. Công bố thông tin về số tiền thu được từ đợt chào bán, phát hành và báo cáo sử dụng vốn

- a) Đối với trường hợp huy động phần vốn, số tiền để thực hiện dự án, Công ty phải báo cáo và công bố thông tin về việc sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành để thực hiện dự án kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, ngày kết thúc đợt phát hành cho đến khi giải ngân hết số tiền đã huy động, cụ thể như sau:

- Định kỳ 06 (*sáu*) tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, ngày kết thúc đợt phát hành cho đến khi giải ngân hết số tiền huy động được, Công ty phải báo cáo UBCKNN về tiến độ sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành để thực hiện dự án theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 155/2020/NĐ-CP và công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty, SGDCK trong thời hạn 05 (*năm*) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc các thời hạn nêu trên;

Trường hợp Công ty phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng, Công ty phải công bố thêm thông tin về tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu theo Mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC trong thời hạn 30 (*ba mươi*) ngày, kể từ ngày kết thúc 06 (*sáu*) tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.

- Công ty phải công bố báo cáo sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành để thực hiện dự án được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành để thực hiện dự án trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận.
- b) Việc thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua. Hội đồng quản trị chỉ được thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành với giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành khi được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền và theo quy định tại Điều lệ Công ty, trừ trường hợp chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền theo phương án được Hội đồng quản trị thông qua. Việc thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành phải được báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất.
- c) Trong thời hạn 24 (*hai mươi bốn*) giờ kể từ thời điểm có quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị về việc thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành, Công ty có trách nhiệm sau:
- Báo cáo UBCKNN về việc thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành theo Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 155/2020/NĐ-CP;
  - Công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty, SGDCK về lý do thay đổi kèm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị về việc thay đổi.

**Điều 10. Công bố thông tin bất thường**

1. Công ty phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
  - a) Tài khoản của Công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán;  
Tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại Điều này;
  - b) Khi nhận được văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh;  
Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;  
Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;  
Sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;  
Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định và gửi kèm bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động thay đổi.
  - c) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm:
    - Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
    - Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
    - Tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).
  - d) Quyết định mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ;  
Ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu;  
Quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;
  - e) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;
  - f) Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp;  
Thay đổi mã số thuế, thay đổi tên Công ty, con dấu của Công ty;  
Thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện;  
Sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;



Trường hợp Công ty tổ chức lại doanh nghiệp, ngoài việc công bố thông tin theo quy định, Công ty phải đăng ký thay đổi mô hình công ty, loại báo cáo tài chính;

- g) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật);

Thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng);

Việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;

Việc bị từ chối kiểm toán báo cáo tài chính;

- h) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;

Trường hợp Công ty tổ chức lại doanh nghiệp, ngoài việc công bố thông tin theo quy định, Công ty phải đăng ký thay đổi mô hình công ty, loại báo cáo tài chính;

- i) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Công ty;

- j) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết, thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:

Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm Công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm Công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định của pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo cơ chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông, Công ty công bố thông tin trong thời hạn 10 (mười) ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin theo quy định tại Khoản 22 Điều 2 Quy chế này;

Ngoài ra, Công ty có trách nhiệm công bố khối lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết trên trang thông tin điện tử của Công ty và cập nhật dữ liệu trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ khi báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành hoặc giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc các trường hợp khác dẫn đến thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết.

- k) Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ;

- Công ty công bố thông tin theo quy định về việc thay đổi nhân sự. Công ty gửi cho UBCKNN, SGDCCK Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC; Quyết định của Hội đồng quản trị hoặc

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về việc thay đổi nhân sự trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ khi ban hành quyết định/nghị quyết.

- Trường hợp phát sinh thay đổi thông tin của người nội bộ và người có liên quan đã cung cấp theo Phụ lục III Thông tư số 96/2020/TT-BTC, Công ty báo cáo UBCKNN và SGDCK trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày thay đổi; kèm Danh sách người nội bộ và những người có liên quan theo Mẫu quy định tại Quy chế công bố thông tin tại SGDCK.

- l) Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp Công ty là công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất;
- m) Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Công ty, người nội bộ của Công ty, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công ty;
- n) Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty;

Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;

- o) Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;
  - p) Trường hợp Công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Công ty, Công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;
  - q) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công ty;
  - r) Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.
2. Khi công bố thông tin theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).
  3. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:
    - a) Việc công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại Khoản 7 Điều 9 Quy chế này;
    - b) Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, tối thiểu 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết.
  4. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu.
    - a) Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại Điểm b Khoản này.

- b) Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến;
  - c) Trường hợp Công ty hủy thông báo về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền liên quan đến tỷ lệ thực hiện, các trường hợp phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và các trường hợp liên quan đến việc điều chỉnh giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền của SGDCK, Công ty phải gửi thông báo bằng văn bản cho SGDCK nêu rõ lý do trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ khi ra thông báo nhưng chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng, đồng thời công bố thông tin về việc hủy nội dung thông báo.
5. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác như sau:
- a) Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 (hai) kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định của pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới;
  - b) Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;
  - c) Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất đối với trường hợp Công ty là công ty mẹ);
  - d) Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).

#### **Điều 11. Công bố thông tin theo yêu cầu**

1. Trong các trường hợp sau đây, Công ty phải công bố thông tin trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
  - a) Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;
  - b) Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.
2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

#### **Điều 12. Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn**

Công ty thực hiện công bố thông tin theo các quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn khác (nếu có).

**Điều 13. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty**

1. Nhà đầu tư tổ chức, nhà đầu tư cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của Công ty (sở hữu hoặc không còn sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty) phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cho Công ty, UBCKNN và SGDCK theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.
2. Cổ đông lớn của Công ty khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải công bố thông tin và báo cáo cho Công ty, UBCKNN và SGDCK trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi trên theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC.

Việc thay đổi số lượng cổ phiếu vượt quá các ngưỡng 1% được xác định tại các ngưỡng 6%, 7%, 8%,... (không căn cứ trên tỷ lệ sở hữu của lần báo cáo gần nhất).

3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc trở thành cổ đông lớn hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% nêu tại Khoản 1, 2 Điều này được tính kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định tại Khoản 25 Điều 2 Quy chế này.
4. Quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này cũng áp dụng đối với nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty (không bao gồm nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty). Nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty:

- Trường hợp trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của Công ty do nhà đầu tư trong nhóm giao dịch làm thay đổi tổng số lượng cổ phiếu mà nhóm đang nắm giữ, nhà đầu tư thực hiện giao dịch trong nhóm thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC;
- Trường hợp có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết do nhà đầu tư trong nhóm giao dịch làm thay đổi tổng số lượng cổ phiếu mà nhóm đang nắm giữ, nhà đầu tư thực hiện giao dịch trong nhóm thực hiện công bố thông tin theo Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC.

Thông tin về nhà đầu tư là thông tin đối với từng nhà đầu tư thực hiện giao dịch.

5. Quy định tại Khoản 1, 2, 3 Điều này cũng áp dụng đối với nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty. Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty:
  - Trường hợp trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của Công ty do nhà đầu tư nước ngoài trong nhóm giao dịch làm thay đổi tổng số lượng cổ phiếu mà nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan đang nắm giữ, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan thực hiện công bố thông tin theo Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC;
  - Trường hợp có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết do nhà đầu tư nước ngoài trong nhóm giao dịch làm thay đổi tổng số lượng cổ phiếu mà nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan đang nắm giữ, nhóm

nhà đầu tư nước ngoài có liên quan thực hiện công bố thông tin theo Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC.

6. Quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4, 5 Điều này không áp dụng đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc Công ty phát hành thêm cổ phiếu.
7. Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của các đối tượng được quy định tại Điều này.

#### **Điều 14. Công bố thông tin của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ**

1. Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của các đối tượng này phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho UBCKNN và SGĐCK (bao gồm cả các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:
  - a) Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 (ba) ngày làm việc, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về việc dự kiến giao dịch theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII hoặc Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC;
  - b) Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do SGĐCK đã công bố thông tin và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ SGĐCK;
  - c) Trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải công bố thông tin theo quy định tại Điều này được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại Điểm b Khoản này và thực hiện theo quy định của pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai;
  - d) Người nội bộ và người có liên quan không được đồng thời đăng ký giao dịch mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi trong cùng một đợt đăng ký giao dịch và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó;
  - e) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo mẫu quy định tại Phụ lục XV hoặc Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC;
  - f) Người nội bộ và người có liên quan là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều này, đồng thời phát sinh giao dịch dẫn đến trở thành cổ đông lớn hoặc không còn là cổ đông lớn hoặc là cổ đông lớn khi phát sinh thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết (tức thuộc trường hợp phải công bố thông tin theo quy định tại Điều 13 Quy chế này) thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan tại Điều này.

2. Người nội bộ và người có liên quan không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Khoản 1 Điều này, nhưng đồng thời phát sinh giao dịch dẫn đến trở thành cổ đông lớn hoặc không còn là cổ đông lớn hoặc là cổ đông lớn khi phát sinh thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết (tức thuộc trường hợp phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 13 Quy chế này) thì phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin của cổ đông lớn theo quy định tại Điều 13 Quy chế này.
3. Quy định về nghĩa vụ công bố thông tin tại Điểm a, b và d Khoản 1 Điều này không áp dụng đối với trường hợp công ty chứng khoán bán giải chấp cổ phiếu của khách hàng là người nội bộ của Công ty hoặc người có liên quan của người nội bộ.
4. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của Công ty hoặc người có liên quan của người nội bộ, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này.
5. Trường hợp công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ của Công ty, khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu Công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK và Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.
6. Trường hợp công ty mẹ của Công ty (nếu có), các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (công đoàn, đoàn thanh niên,...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty thực hiện giao dịch chứng khoán của Công ty phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.
7. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan theo quy định tại Điều này, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.
8. Trong trường hợp công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ không đáp ứng được quy định tại Điểm a, b Khoản 1 Điều này, SGDCK sẽ thực hiện điều chỉnh thời gian dự kiến giao dịch tại thông báo giao dịch chứng khoán cho phù hợp với quy định hiện hành. Người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện giao dịch theo đúng khối lượng đã đăng ký với SGDCK và giao dịch trong khoảng thời gian SGDCK đã công bố trên trang thông tin điện tử và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố trên trang thông tin điện tử của SGDCK.

#### **Điều 15. Trách nhiệm công bố thông tin**

Trách nhiệm công bố thông tin được quy định cụ thể như sau:

1. Đối với các thông tin định kỳ, bất thường, theo yêu cầu, người thực hiện công bố thông tin của Công ty chịu trách nhiệm công bố thông tin trên các phương tiện công bố thông tin theo quy định, đồng thời gửi văn bản qua fax, qua bưu điện và dữ liệu điện tử theo địa chỉ e-mail tới UBCKNN, SGDCK theo quy định tại Quy chế này. Trường hợp việc công bố thông tin đã thực hiện theo quy định tại Khoản 9 Điều 3 Quy chế này thì không phải gửi bản giấy đến UBCKNN và SGDCK.
2. Đối với những thông tin phải công bố trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ, Công ty phải gửi ngay thông tin trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ khi xảy ra sự kiện để UBCKNN,

SGDCK công bố và đồng thời chịu trách nhiệm công bố thông tin trên các phương tiện công bố thông tin theo qui định.

- Đối với các thông tin phải công bố thuộc nghĩa vụ của cổ đông nội bộ, người được ủy quyền công bố thông tin và những người có liên quan;... thì các đối tượng này phải tự thực hiện công bố thông tin cho Công ty, UBCKNN, SGDCK và các phương tiện công bố thông tin khác theo quy định tại Quy chế này và các quy định khác có liên quan.

#### **Điều 16. Tạm hoãn công bố thông tin**

- Công ty được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác. Công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin), đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.
- Trong trường hợp cần thiết phải tạm hoãn công bố thông tin, người thực hiện công bố thông tin tiến hành lập báo cáo đề nghị tạm hoãn công bố thông tin bằng văn bản trình cho Tổng Giám đốc phê duyệt. Sau khi Tổng Giám đốc ký phê duyệt, người thực hiện công bố thông tin gửi công văn thông báo tạm hoãn công bố thông tin đến UBCKNN, SGDCK để xem xét chấp thuận ngay khi xảy ra sự kiện.
- Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

### **CHƯƠNG III: TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 17. Hiệu lực thi hành**

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các đối tượng công bố thông tin và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện theo Quy chế này.

Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định, hướng dẫn của Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam trong từng thời kỳ. Việc công bố thông tin bao gồm nhưng không hạn chế ở những nội dung đã được quy định trong Quy chế này, đồng thời, khi cơ quan quản lý ban hành các quy định khác trái với các quy định tại Quy chế này thì công ty có nghĩa vụ thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành và điều chỉnh lại Quy chế này cho phù hợp.

#### **Điều 18. Sửa đổi, bổ sung**

Trong quá trình thực hiện Quy chế này, trường hợp có những quy định của pháp luật liên quan đến nghĩa vụ công bố thông tin mà chưa được quy định trong Quy chế này hoặc có các quy định pháp luật mới ban hành khác với Quy chế này hoặc có các văn bản pháp luật mới thay thế cho các văn bản pháp luật được tham chiếu trong Quy chế này thì Công ty sẽ thực hiện công bố thông tin trên cơ sở quy định của Điều lệ Công ty và các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành.

Việc cập nhật, sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Ban Tổng Giám đốc Công ty xem xét quyết định, trên cơ sở phù hợp với quy định pháp luật hiện hành về công bố thông tin, quản lý chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV



Nguyễn Tân Huy